TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST.
Ngày: 05-02-2021
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Thái

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà*: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp chia di sản thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:****Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1977***

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Đường L, tổ 09 (tổ 15 cũ), phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1949

Nơi cư trú: Phố Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

*2. Bị đơn:****Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1973***

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường L, tổ 09 (tổ 15 cũ), phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Phố K, tổ 05, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.***Cụ Phạm Thị C, sinh năm 1942***

3.2. ***Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964***

3.3. ***Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962***

3.4. ***Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1969***

3.5. ***Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981***

3.6. ***Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971***

3.7. ***Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1990***

3.8. ***Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1995***

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Đường L, tổ 09 (tổ 15 cũ), phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Trung Đ như sau:

Bố ông là cụ Nguyễn Trung Đ kết hôn với cụ Nguyễn Thị T và sinh được 05 người con là: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964; ông Nguyễn Lê D, sinh năm 1966; ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1973. Năm 1975, cụ Nguyễn Thị T chết, năm 1976, cụ Nguyễn Trung Đ kết hôn với cụ Phạm Thị C và sinh được 02 người con là: Nguyễn Ngọc Dn, sinh năm 1977 và Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981. Năm 1999, cụ Nguyễn Trung Đ chết không để lại di chúc; năm 2013, ông Nguyễn Lê D chết không để lại di chúc.

Để thực hiện dự án xây trụ sở Công an tỉnh Thái Bình (09 tầng), Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ra quyết định thu hồi diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình đang canh tác tại cánh đồng Nội. Sau đó, khi tiến hành giao đất ở, đất dịch vụ (5%) cho các hộ gia đình bị thu hồi từ 30% diện tích đất nông nghiệp trở lên để đảm bảo an sinh xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố T đã chỉ đạo ghép các hộ có quan hệ gia đình là bố mẹ và các con khi giao đất. Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố T, Ủy ban nhân dân phường L đã ghép 05 người trong hộ gia đình cụ Phạm Thị C, cụ Phạm Thị C đã đại diện gia

đình bốc thăm được Lô đất số 12, khu 4, khu tái định cư phường L, thành phố T có diện tích 79,8m^2. được giao chung 79,8m^2 gồm: Cụ Nguyễn Trung Đ15m^2, cụ Phạm Thị C 10,8m^2, bà Nguyễn Thị 18m^2, ông Nguyễn Trung D 18m^2, ông Nguyễn Ngọc D 18m^2.

Sau đó, cụ Phạm Thị C, bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Trung D tự nguyện tặng cho ông diện tích đất ở được chia là 46,8m^2, còn lại diện tích 15m^2 của cụ Nguyễn Trung Đ gia đình đã họp và thống nhất phân chia diện tích đất trên cho 09 người (gồm các con và 02 cháu của cụ Đ), 07 người đã tự nguyện tặng cho ông diện tích đất được chia thừa kế cho ông, còn ông Nguyễn Trung D không tặng cho nên nhiều năm nay gia đình ông không thể đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 79,8m^2 đất đã được giao.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trung Đ là 15m^2 đất (nằm trong diện tích 79,8m^2) tại Lô số 12, khu 4, khu tái định cư phường L, thành phố T theo quy định của pháp luật và tạo điều kiện cho ông được nhận đất để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất.

*) Bị đơn là ông Nguyễn Trung D trình bày:

Bố ông là cụ Nguyễn Trung Đ đã chết có để lại 15m^2 đất ở do được bồi thường đất nông nghiệp đã bị thu hồi trong diện tích 79,8m^2 đất tại Lô số 12, khu 4, đất tái định cư phường L. Năm 2016, gia đình đã họp và phân chia di sản của cụ Đ, ông được hưởng 0,93m^2. Từ đó đến nay ông không có yêu cầu gì mà chỉ muốn hưởng đúng phần thừa kế mà cụ Đ để lại. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án chia cho ông đúng phần đất mà ông được hưởng từ di sản thừa kế của bố ông là cụ Nguyễn Trung Đ, ông chỉ lấy đất để giữ lại một chút hương hỏa của bố ông chứ ông không lấy bằng tiền (ông không đòi hỏi và tranh chấp gì).

*) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là là cụ Phạm Thị C trình bày:

Cụ là và cụ Nguyễn Trung Đ kết hôn năm 1976 và có 02 con là Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc H, năm 1999, cụ Đ chết không để lại di chúc. Để có đất xây dựng trụ sở Công an tỉnh Thái Bình (09 tầng), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra quyết định thu hồi đất ruộng của gia đình cụ gồm 05 khẩu là: Cụ Phạm Thị C, cụ Nguyễn Trung Đ, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Trung D và ông Nguyễn Ngọc Du diện tích đất bị thu hồi là 1634,4m^2 tương đương 72,4% trong diện tích 2257m^2 đất ruộng. Đến năm 2016, nhà nước đã bồi thường cho gia đình cụ

79,8m² đất dịch vụ 5% tại khu đất tái định cư phường L (bồi thường chung cho cả hộ gia đình). Cụ đã đại diện gia đình bốc thăm được lô đất số 12, khu 4, đất tái định cư phường L có diện tích là 79,8m². Sau khi có quyết định công nhận kết quả bốc thăm, gia đình cụ đã họp và thống nhất phân chia diện tích 79,8m² đất trên như sau: Cụ C 10,8m², cụ Đ 15m², bà O 18m², ông D 18m², ông D 18m², riêng ông H đã lấy ruộng ở chỗ khác nên không được chia. Việc chia đất này gia đình cụ không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau, các thành viên đều nhất trí, không ai có ý kiến gì.

Do cụ Đ chết không để lại di chúc nên diện tích 15m² đất cụ Đoàn được chia là di sản thừa kế, cụ được hưởng thừa kế của cụ Đ theo quy định của pháp luật, cụ tự nguyện tặng cho ông Nguyễn Ngọc D phần di sản thừa kế được hưởng.

*) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Trung D, ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị H, anh Nguyễn Minh D và anh Nguyễn Minh T đều đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trung Đ theo pháp luật và nhất trí với trình bày của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc Dn; tất cả đều tự nguyện tặng (cho) suất thừa kế của mình cho ông D và không đề nghị thanh toán bằng tiền.

*) Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T cung cấp: Hộ cụ Phạm Thị C gồm 5 khẩu là: Cụ Phạm Thị C, cụ Nguyễn Trung Đ, ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Ngọc D được giao tổng diện tích 2257m² đất ruộng theo Quyết định 652 và 948 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Để phục vụ dự án xây dựng trụ sở Công an tỉnh Thái Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định thu hồi 1634,4m² đất trong tổng 2257m² ruộng. Sau đó, đến năm 2014, Nhà nước có chính sách bồi thường và giao đất dịch vụ 5% tại phường L, thành phố T. Gia đình cụ C được giao 79,8m² tại lô số 12, khu 4, phường L, thành phố T (phương án dự kiến là 81,7m²), cụ C đại diện gia đình đã bốc thăm được lô đất nêu trên và được công nhận kết quả bốc thăm. Như vậy, diện tích đất 79,8m² đất trên thuộc quyền sử dụng của hộ cụ Phạm Thị C, gia đình cụ C thỏa thuận phân chia như thế nào chính quyền địa phương không rõ nhưng sau khi giao đất không có ai có khiếu nại gì, việc phân chia di sản thừa kế của hộ cụ C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*) Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2020 thể hiện: Diện tích 15m² đất ở tại đô thị (nằm trong diện tích 79,8m² đất ở tại đô thị) tại Lô số

12, khu 4, đất 5% an sinh xã hội, tổ 22 (tổ 36 cũ), phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Hiện trạng diện tích 79,8m^2 đất tại lô số 12 nêu trên như sau:

- Phía Bắc giáp đường số 25 dài 4,2m.

- Phía Nam giáp khe thông gió giữa lô số 12 và lô đất trống dài 4,2m.

- Phía Đông giáp lô số 13-K4 dài 19m.

- Phía Tây giáp nhà ông Lương Thái N dài 19m.

Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được quy hoạch khu dân cư tái định cư và công trình công cộng phường K - phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Hiện thửa đất không có tranh chấp với các hộ liền kề, trên thửa đất không có tài sản gì.

*) Biên bản định giá tài sản ngày 26/11/2020, Hội đồng định giá tài sản kết luận đất tranh chấp có giá 30.000.000 đồng/m^2.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 147; 203; 227; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 1 điều 678 Bộ luật dân sự năm 1995; các điều 609; 611; 612; 613; 623; 649; 649; 650; 651; 660 Bộ luật dân sự.

1. Cụ Đ chết năm 1999, di sản của cụ Đ chia đều cho các hàng thừa kế thứ nhất; do hàng thừa kế thứ nhất có ông D đã chết, song chết sau cụ Đ nên bà H, anh D, anh T được chung 01 suất thừa kế của cụ Đ. Một suất thừa kế là: 15m^2 : 8 suất = 1,875m^2 tương ứng với 56.250.000 đồng.

2. Chấp nhận sự thỏa thuận của cụ C, bà T, bà O, bà H, anh D, anh T, ông D và ông H về việc nhường kỷ phần thừa kế cho ông D, ông D không phải thanh toán tiền cho những người trên. Đối với kỷ phần của ông D là 1,875m^2, do diện tích nhỏ khó chia nên đề nghị tuyên giao cho ông D cả 15m^2 đất ở nằm trong diện tích 79,8m^2 tại lô số 12, khu 4, đất 5% an sinh xã hội, tổ 22 (tổ 36 cũ), phường L, thành phố T, ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Trung D số tiền 56.250.000 đồng tương ứng với kỷ phần ông D được hưởng.

3. Ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Trung D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc D; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Văn P; bị đơn là ông Nguyễn Trung D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Trung D, ông Nguyễn Ngọc H và bà Vũ Thị H có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh D và anh Nguyễn Minh T đều ủy quyền cho ông D và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử trong trường hợp có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt hai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Trung Đ và cụ Nguyễn Thị T có 05 người con chung là: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Lê D (chết năm 2013, có vợ là bà Vũ Thị H, 02 con là Nguyễn Minh D và Nguyễn Minh T), ông Nguyễn Trung D, ông Nguyễn Trung D. Sau khi cụ T chết, cụ Đ kết hôn với cụ Phạm Thị C và có 02 người con chung là ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc H; ngoài ra cụ Đ không có con riêng, con nuôi nào khác. Khi cụ Đ còn sống không có ai là người có công nuôi dưỡng chăm sóc, không có người có công tôn tạo, giữ gìn tài sản cụ Đ để lại. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm: cụ C, bà T, bà O, ông D (bà H, anh D, anh T là vợ và con ông D), ông D, ông D, ông D và ông H.

[2.2] Về di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Trung Đ chết năm 1999 không để lại di chúc. Nhà nước đã thu hồi đất nông nghiệp của gia đình cụ Đ gồm 05 khẩu là: Cụ C, cụ Đ, bà O, ông D và ông D diện tích 1634,4 m^2 và bồi thường cho gia đình cụ Đ diện tích 79,8m^2 đất ở tại đô thị tại lô 12, khu 4, đất 5% an sinh xã hội, tổ 22 (tổ 36 cũ), phường L, thành phố T (bồi thường chung cho cả hộ gia đình). Sau đó gia đình đã họp bàn và thống nhất chia cho cụ Đ 15m^2, cụ C 10,8m^2, bà

O 18m², ông D 18m², ông D 18m², việc thỏa thuận không lập thành biên bản nhưng tất cả đều thống nhất không có ý kiến khiếu nại gì. Như vậy, di sản của cụ Đ để lại là 15m² ở nằm trong diện tích 79,8m² tại lô số 12, khu 4, phường L, thành phố T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này là tài sản chung theo phần của cụ Đ. Ngoài ra không còn di sản nào khác.

[2.3] Chia thừa kế di sản:

[2.3.1] Di sản của cụ Đ là 15m² đất (trong diện tích 79,8m² đất ở tại đô thị) tại lô số 12, khu 4, đất 5% an sinh xã hội, phường L, thành phố T trị giá: 15m² x 30.000.000đ/m² = 450.000.000 đồng. Như vậy, mỗi suất thừa kế di sản của cụ Đ là: 450.000.000đ : 8 = 56.250.000 đồng (tương đương 1,875m²). Cụ C, bà Thám, bà O, ông D, ông H, ông D, ông D mỗi người được hưởng 1 suất thừa kế trị giá 56.250.000 đồng; bà H, anh D và anh T được hưởng 1 suất thừa kế của ông D trị giá 56.250.000 đồng.

[2.3.2] Các đồng thừa kế là cụ C, bà T, bà O, bà H, anh D, anh T, ông D, ông H đều nhất trí nhường phần thừa kế của mình cho ông D và không đề nghị thanh toán lại bằng tiền, ông D nhất trí nhận phần thừa kế của những người trên. Xét thấy, thỏa thuận của cụ C, bà T, bà O, ông D, ông H, bà H, anh D, anh T và ông D là không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với kỷ phần của ông Nguyễn Trung D là 1,875m² trị giá 56.250.000 đồng, do diện tích quá nhỏ, không chia được bằng đất. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho ông D được sử dụng cả 15m² đất ở tại đô thị nằm trong diện tích 79,8m² đất ở tại đô thị tại lô số 12, khu 4, đất 5% an sinh xã hội, phường L, thành phố T, ông Nguyễn Ngọc D phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Trung D số tiền 56.250.000 đồng tương ứng với 1,875m² đất ông D được hưởng.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc D và ông Nguyễn Trung D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều điều 147; 203; 227; 228; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 1 điều 678 Bộ luật dân sự năm 1995; các điều 609; 611; 612; 613; 623; 649; 649; 650; 651; 660 Bộ luật dân sự; khoản 2 điều 468; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Trung Đ, xử:

1.1. Chia cho ông Nguyễn Ngọc D được sử dụng 15m^2 đất ở tại đô thị (trong diện tích 79,8m^2 đất ở tại đô thị có tứ cận: Phía Đông giáp lô số 13-K4 dài 19m, phía Tây giáp nhà ông N dài 19m, phía Bắc giáp đường số 25 dài 4,2m, phía Nam giáp khe thông gió giữa lô số 12 và lô đất trống dài 4,2m) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 450.000.000 đồng; địa chỉ thửa đất tại Lô số 12, khu 4, đất 5% an sinh xã hội, tổ 22 (tổ 36 cũ), phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

1.2. Ông Nguyễn Ngọc D phải thanh toán cho ông Nguyễn Trung D số tiền 56.250.000 đồng.

1.3. Ông Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc D phải nộp 19.687.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004932 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, ông Nguyễn Ngọc D còn phải nộp 17.187.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Trung D phải nộp 2.812.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc D; bị đơn là ông Nguyễn Trung D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Phạm Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Trung D, ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/02/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh D và anh Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP T; tỉnh Thái Bình;
- UBND phường L, TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái